TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/7/2024
V/v "Ly hôn giữa bà V với ông E"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xHét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Võ Minh Quang.

- ***Thư ký phiên Tòa*:** Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 484/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc trA chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2024/QĐST–HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn:*</u> **Nguyễn Thị Bạch V**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Giồng Bông, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Chị V có yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 30/11/2023.

* <u>*Bị đơn:*</u> **Huỳnh Văn E**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Giồng Bông, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 31/10/2023, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/11/2023, nguyên đơn Nguyễn Thị Bạch V trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bạch V với ông Huỳnh Văn E tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL vào năm 2014. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau về chuyện tiền bạc. Bà V đã cố gắng hàn gắn, thuyết phục ông E xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ, chồng không còn. Vì vậy, vợ chồng bà V, ông E đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà V yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn E.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 08/3/2000 và Huỳnh Thị Kim A, sinh ngày 02/01/2014. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Bạch V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Kim A, sinh ngày 02/01/2014. Riêng cháu Huỳnh Thị Kim T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên không trA chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tống đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý, giấy triệu tập hợp lệ đối với bị đơn Huỳnh Văn E, tuy nhiên ông E từ chối tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do, không hợp tác với tòa án, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, lời khai thể hiện quan điểm trong vụ án trA chấp ly hôn giữa bà V với ông E.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân

sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Nguyễn Thị Bạch V thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Huỳnh Văn E không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bạch V đối với ông Huỳnh Văn E.

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Bạch V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Kim A, sinh ngày 02/01/2014. Riêng cháu Huỳnh Thị Kim T đã trưởng thành, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông E không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xE xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bạch V không trA chấp, ông E không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xE xét, giải quyết.

Về nợ chung: Nguyễn Thị Bạch V khai không có, ông E không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xE xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Bạch V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Huỳnh Văn E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng ông E vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà V với ông E cưới nhau vào năm 2014, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL nên quan hệ hôn nhân giữa bà V với ông E được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của bà V trong quá trình giải quyết vụ án, đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ, chồng giữa bà V với ông E đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Toà án đã triệu tập bà V với ông E để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông E vắng mặt không lý do, đồng thời bà V có yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ hai bên đã không còn quan tâm và không có Tện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa bà V với ông E đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Bà V với ông E có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 08/3/2000 và Huỳnh Thị Kim A, sinh ngày 02/01/2014.

Cháu Huỳnh Thị Kim A đã sống chung với bà V từ nhỏ, bà V chăm sóc cháu Kim A phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Huỳnh Thị Kim A để bà V trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng cháu Huỳnh Thị Kim A trên 07 tuổi.

Đối với cháu Huỳnh Thị Kim T đã trưởng thành, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông E vắng mặt không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xE xét, giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà V nuôi con chung, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bạch V không trA chấp, ông E không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xE xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Nguyễn Thị Bạch V khai không có, ông E không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xE xét, giải quyết.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Bạch V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bạch V đối với ông Huỳnh Văn E.

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bạch V với ông Huỳnh Văn E.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bạch V với ông Huỳnh Văn E chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Bạch V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Kim A, sinh ngày 02/01/2014. Riêng cháu Huỳnh Thị Kim T đã trưởng thành, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông E không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xE xét, giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà V nuôi con chung, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con.

Bà V trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông E trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ông E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 116 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên không trA chấp nên không xE xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xE xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bạch V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000528 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục T hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, bà Nguyễn Thị Bạch V đã nộp đủ án phí.

Các đương sự bà Nguyễn Thị Bạch V, ông Huỳnh Văn E vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã TL
(Quyển số 01/2024; Số 14/2014);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi